**Đặc tả của use case Tạo đơn nợ**

| Use case ID | 3.1 |
| --- | --- |
| Use case name | Tạo đơn nợ |
| Description | Là người dùng, tôi muốn tạo đơn nợ |
| Actors | Chủ tạp hoá |
| Priority | High |
| Triggers | Người dùng chọn chức năng tạo đơn nợ |
| Pre-conditions | * Thông tin khách nợ có trong hệ thống * Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và đã vào được trong hệ thống |
| Post-conditions | * Đơn nợ mới tạo được lưu vào hệ thống * Khách hàng được người dùng cho nợ |
| Main flow | 1. Người dùng chọn “Đơn nợ” 2. Người dùng nhập tên khách nợ trên thanh tìm kiếm 3. Hệ thống hiển thị tên khách nợ 4. Người dùng chạm vào tên khách nợ cần tạo đơn 5. Hệ thống hiển thị đồng thời: mã đơn nợ, thời gian tạo đơn nợ, tên khách nợ 6. Người dùng chọn ô ngày hẹn trả 7. Hệ thống hiển thị hộp thoại lịch 8. Người dùng chọn một ngày cụ thể từ lịch 9. Người dùng chọn “Xong” 10. Hệ thống hiển thị thời gian cụ thể 11. Người dùng nhập số tiền nợ 12. Người dùng nhập ghi chú 13. Chọn “Hoàn thành” |
| Alternative flows | N/A |
| Exception flows | 2a. Nếu không tìm thấy tên khách nợ trong hệ thống, hệ thống hiển thị thông báo “Không tìm thấy khách nợ. Cần thêm mới khách nợ” và kết thúc.  9a. Nếu muốn huỷ chọn ngày hẹn trả, người dùng chọn “Huỷ”  12a. Nếu không nhập ghi chú, người dùng bỏ qua bước 13 và chuyển tới bước 13 |
| Business rules | N/A |
| Non-functional requirements | N/A |

**Đặc tả của use case Sửa đơn nợ**

| Use case ID | 3.2 |
| --- | --- |
| Use case name | Sửa đơn nợ |
| Description | Là người dùng, tôi muốn sửa đơn nợ |
| Actors | Chủ tạp hoá |
| Priority | High |
| Triggers | Người dùng chọn chức năng sửa đơn nợ |
| Pre-conditions | * Đơn nợ có trong hệ thống * Người dùng muốn sửa thông tin đơn nợ |
| Post-conditions | * Thông tin thay đổi của đơn nợ được cập nhật trong hệ thống * Thông tin đơn nợ được lưu vào hệ thống |
| Main flow | 1. Người dùng chọn “Đơn nợ” 2. Người dùng nhập tên khách nợ trên thanh tìm kiếm 3. Hệ thống hiển thị tên khách nợ 4. Người dùng chạm vào tên khách nợ 5. Hệ thống hiển thị các đơn nợ 6. Người dùng chọn “Sửa” 7. Hệ thống hiển thị đồng thời: mã đơn nợ, thời gian tạo đơn nợ, tên khách nợ, số tiền nợ, ngày hẹn trả, ghi chú 8. Người dùng nhập số tiền nợ 9. Người dùng chọn biểu tượng ngày hẹn trả 10. Hệ thống hiển thị hộp thoại lịch 11. Người dùng chọn một ngày cụ thể từ lịch 12. Người dùng chọn “Xong” 13. Hệ thống hiển thị thời gian đã đặt 14. Người dùng nhập nội dung ghi chú 15. Người dùng chọn “Hoàn thành” 16. Hệ thống lưu thông tin đơn nợ |
| Alternative flows | N/A |
| Exception flows | 5a. Nếu khách nợ không có đơn nợ, hệ thống hiển thị thông báo “Không có đơn nợ” và kết thúc  8a. Nếu không muốn nhập số tiền nợ, người dùng bỏ qua bước 8 và chuyển tới bước 9  9a. Nếu không muốn nhập ngày hẹn trả, người dùng bỏ qua bước 9 và chuyển qua bước 14  14a. Nếu không muốn nhập ghi chú, người dùng bỏ qua bước 14 và chuyển tới bước 15 |
| Business rules | N/A |
| Non-functional requirements | N/A |

**Đặc tả của use case Xoá đơn nợ**

| Use case ID | 3.3 |
| --- | --- |
| Use case name | Xoá đơn nợ |
| Description | Là người dùng, tôi muốn xóa đơn nợ |
| Actors | Chủ tạp hoá |
| Priority | High |
| Triggers | Người dùng chọn chức năng xoá đơn nợ |
| Pre-conditions | * Đơn nợ có trong hệ thống * Người dùng muốn xoá đơn nợ |
| Post-conditions | * Đơn nợ được xoá khỏi hệ thống |
| Main flow | 1. Người dùng chọn “Đơn nợ” 2. Người dùng nhập tên khách nợ trên thanh tìm kiếm 3. Hệ thống hiển thị tên khách nợ 4. Người dùng chạm vào tên khách nợ 5. Hệ thống hiển thị các đơn nợ 6. Người dùng chọn biểu tượng “Xóa" 7. Hệ thống hiển thị thông báo “Xác nhận xóa đơn nợ” 8. Người dùng chọn “Xác nhận” 9. Hệ thống xoá đơn nợ |
| Alternative flows | N/A |
| Exception flows | 5a. Nếu khách nợ không có đơn nợ, hệ thống hiển thị thông báo “Không có đơn nợ” và kết thúc  8a. Nếu không muốn xoá, người dùng chọn “Huỷ”, hệ thống quay về bước 5 |
| Business rules | N/A |
| Non-functional requirements | N/A |

**Đặc tả của use case Xem đơn nợ**

| Use case ID | 3.4 |
| --- | --- |
| Use case name | Xem đơn nợ |
| Description | Là người dùng, tôi muốn xem đơn nợ |
| Actors | Chủ tạp hoá |
| Priority | High |
| Triggers | Người dùng chọn chức năng xem đơn nợ |
| Pre-conditions | * Đơn nợ có trong hệ thống * Người dùng muốn xem đơn nợ |
| Post-conditions | N/A |
| Main flow | 1. Người dùng chọn “Đơn nợ” 2. Người dùng nhập tên khách nợ trên thanh tìm kiếm 3. Hệ thống hiển thị tên khách nợ 4. Người dùng chạm vào tên khách nợ 5. Hệ thống hiển thị các đơn nợ 6. Người dùng chạm vào đơn nợ 7. Hệ thống hiển thị đồng thời: mã đơn nợ, thời gian tạo đơn nợ, tên khách nợ, số tiền nợ, ngày khách hẹn trả nợ, ghi chú 8. Người dùng chọn “Quay lại” |
| Alternative flows | N/A |
| Exception flows | 5a. Nếu khách nợ không có đơn nợ, hệ thống hiển thị thông báo “Không có đơn nợ” và kết thúc |
| Business rules | N/A |
| Non-functional requirements | N/A |

**Đặc tả của use case Gửi tin nhắn nhắc trả nợ quá hạn**

| Use case ID | 3.5 |
| --- | --- |
| Use case name | Gửi tin nhắn nhắc trả nợ quá hạn |
| Description | Là người dùng, tôi muốn hệ thống gửi tin nhắn nhắc trả nợ quá hạn |
| Actors | Chủ tạp hoá |
| Priority | High |
| Triggers | Hệ thống thông báo đến người dùng những đơn nợ quá hạn trả |
| Pre-conditions | * Khách hàng có đơn nợ trong hệ thống * Khách hàng tới ngày hẹn trả vẫn chưa thanh toán đơn nợ * Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống để thực hiện lệnh gửi tin nhắn nhắc khách hàng trả đơn nợ quá hạn |
| Post-conditions | * Gửi tin nhắn nhắc nhở khách hàng thanh toán đơn nợ * Khách hàng nhận thông báo thanh toán đơn nợ quá hạn trả |
| Main flow | 1. Người dùng chọn biểu tượng gửi tin nhắn nhắc khách trả nợ 2. Hệ thống hiển thị danh sách các đơn nợ quá hạn: mã đơn nợ, ngày khách hẹn trả, số tiền nợ, biểu tượng trạng thái nhắc nợ 3. Người dùng chạm vào biểu tượng trạng thái nhắc nợ 4. Hệ thống hiển thị đồng thời: mã đơn nợ, tên khách nợ, ngày hẹn trả, số tiền nợ 5. Hệ thống hiển thị nội dung tin nhắn: “Chào [Tên khách nợ],   Chúng tôi ghi nhận rằng bạn có số tiền nợ từ cửa hàng tạp hoá Nga Thành. Chi tiết dưới đây:  Ngày nợ: [Ngày tạo đơn nợ]  Ngày hẹn trả: [Ngày hẹn trả]  Số tiền nợ: [Số tiền nợ]  Bạn vui lòng thanh toán số tiền này trước ngày hẹn trả. Xin cảm ơn!”   1. Người dùng nhập nội dung ghi chú 2. Người dùng chọn “Gửi” 3. Hệ thống gửi tin nhắn đến số điện thoại của khách nợ đơn đó |
| Alternative flows | N/A |
| Exception flows | 5a. Nếu trên 10 ngày quá hạn, hệ thống hiển thị nội dung tin nhắn: “ “Chào [Tên khách nợ],  Chúng tôi ghi nhận rằng bạn có số tiền nợ từ cửa hàng tạp hoá Nga Thành. Chi tiết dưới đây:  Ngày nợ: [Ngày tạo đơn nợ]  Ngày hẹn trả: [Ngày hẹn trả]  Số tiền nợ: [Số tiền nợ]  Vì bạn quá hạn trả [Ngày nhắc nợ - Ngày hẹn trả] ngày, nên chúng tôi xin tăng thêm [Lãi nợ] % nợ vào số tiền nợ.  Bạn vui lòng thanh toán số tiền này trước ngày hẹn trả. Xin cảm ơn!”  6a. Nếu không muốn nhập ghi chú, người dùng bỏ qua bước 5 và chuyển tới bước 7  7a. Nếu tin nhắn gửi đi không thành công, hệ thống hiển thị thông báo “Gửi tin nhắn bị lỗi” và kết thúc |
| Business rules | 5a. Nếu [Số tiền nợ] < 50,000 đồng thì thực hiện bước 5  5b. Nếu 50,000 đồng <= [Số tiền nợ] <= 500,000 đồng thì thì thực hiện bước 5a với [Lãi nợ]=5  5c. Nếu [Số tiền nợ] > 500000 đồng thì thì thì thực hiện bước 5a với [Lãi nợ]=3 |
| Non-functional requirements | N/A |